

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/DS-PT

Ngày: 22-5-2020

V/v “T/c hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Bà Võ Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Hùng Vĩ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2020 và ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2019/TLPT- DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2019/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 25 ngày 08 tháng 5 năm 2020 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đào Thị Bé T1 và chị Trần Thị Diễm T2; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Phan Thị Kim C1; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Hiền T3; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

4. *Người làm chứng:*

- Chị Nguyễn Thị N; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Chị Nguyễn Thị P1; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Phạm Thị P2; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Cao Thị S; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Phạm Thị Kiều L1; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Trịnh Thị Kiều O; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Nguyễn Thị Mỹ C2; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Nguyễn Thị H1; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Huỳnh Thị P3; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Lê Thị Hồng T4; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Huỳnh Thị Ngọc Đ; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Nguyễn Thị Hồng L1; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Nguyễn Thị Thanh L2; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Anh Phan Thành B; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Anh Nguyễn Hoàng A; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Nguyễn Thị Thanh D1; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Lê Thị D2; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Nguyễn Thị Mỹ L3; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Nguyễn Thị Thúy H2; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Nguyễn Thị Thu B; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Nguyễn Thị D3; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Huỳnh Thị Đ1; Địa chỉ ấp D, xã E, thị xã G, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Nguyễn Thị L4; Địa chỉ ấp H, xã I, thị xã G, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Nguyễn Thị T5; Địa chỉ ấp H, xã I, thị xã G, tỉnh Hậu Giang.
- Chị Trần Thị Thùy T6; Địa chỉ số 81C, đường K, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn chị Đào Thị Bé T1 trình bày: Chị Phan Thị Kim C1 là hội viên do chị Đào Thị Bé T1 làm chủ hội. Trong thời gian từ năm 2013 đến năm

2018 chị C1 tham gia chơi góp hụi và còn nợ gồm 12 dây hụi như sau:

Dây hụi thứ 1: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 30/01/2017, hụi gồm 36 phần, chị C1 tham gia hai phần, đóng được ba lần thì hốt, số tiền hốt được của hai phần là 42.600.000 đồng. Còn lại 19 lần đóng hụi chết x 1.000.000 đồng/lần = 19.000.000 đồng. Hai phần nợ lại là 38.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 2: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 05/8/2016, hụi gồm 36 phần, chị C1 tham gia hai phần. Hốt hụi lần đầu (phần thứ nhất) vào ngày 15/02/2017, hốt được 20.340.000 đồng. Lần hai hốt ngày 18/8/2017, hốt được 22.940.000 đồng. Phần hai sau khi hốt đóng được 08 lần thì ngưng đóng. Còn lại 14 lần đóng hụi chết x 2 phần = 28.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 3: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 15/10/2016, hụi gồm 38 phần, chị C1 tham gia hai phần. Phần thứ nhất hốt hụi vào ngày 15/11/2016, hốt được 20.800.000 đồng. Lần hai hốt ngày 15/5/2017, hốt được 21.100.000 đồng. Tổng số lần đã đóng là 18 lần thì ngưng đóng. Còn lại 18 lần đóng hụi chết x 2 phần = 36.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 4: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 15/01/2018, hụi gồm 39 phần, chị C1 tham gia một phần. Chị C1 đóng được 03 lần thì hốt hụi được 20.830.000 đồng. Khi hốt xong thì ngưng đóng, còn 35 lần đóng với số tiền là 35.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 5: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 20/4/2016, hụi gồm 37 phần, chị C1 tham gia hai phần. Phần thứ nhất đóng 01 lần thì hốt hụi được 18.180.000 đồng. Lần hai hốt ngày 20/10/2016, hốt được 22.320.000 đồng. Còn lại 11 lần đóng hụi chết x 2 phần = 22.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 6: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 20/6/2016, hụi gồm 37 phần, chị C1 tham gia một phần. Chị hốt hụi ngày 20/11/2017, hốt được 23.320.000 đồng, còn nợ lại 13 lần đóng hụi chết là 13.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 7: Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 10/12/2016, hụi gồm 30 phần. Chị C1 tham gia 02 phần. Chị C1 đóng được 03 lần thì hốt, phần thứ nhất hốt được 33.750.000 đồng. Phần thứ hai hốt ngày 11/4/2017, hốt được 34.840.000 đồng. Còn nợ lại 12 lần đóng hụi chết x 2 phần = 48.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 8: Hụi 2.000.000 đồng, hụi khai ngày 15/7/2017, hụi gồm 38 phần, chị C1 tham gia một phần, chị C1 hốt ngày 15/9/2017, hốt hụi được 42.200.000 đồng. Chị C1 còn nợ lại 27 lần đóng hụi chết là 54.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 9: Hụi 2.000.000 đồng, hụi khai ngày 20/3/2017, hụi gồm 36 phần, chị C1 tham gia một phần, chị C1 đóng được 3 lần hụi sống thì hốt, hốt được 40.790.000 đồng. Còn nợ lại 21 lần đóng hụi chết là 42.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 10: Hụi 3.000.000 đồng, hụi khai ngày 25/01/2018, hụi gồm 36 phần, chị C1 tham gia 02 phần, chị C1 hốt hết 02 phần, số tiền hốt được là 116.980.000 đồng, còn nợ lại 31 lần đóng hụi chết là 93.000.000 đồng x 02 phần là 186.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 11: Hụi 500.000 đồng, hụi khai ngày 23/10/2017, gồm 75 phần, chị C1 tham gia 02 phần. Phần thứ nhất chị C1 hốt được 20.850.000 đồng. Phần thứ hai hốt được 21.750.000 đồng, còn nợ lại 48 lần phải đóng hụi chết là 48.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 12: Hụi 500.000 đồng, hụi khai ngày 12/12/2017, gồm 80 phần, chị C1 tham gia 03 phần, chị C1 hốt được 64.000.000 đồng, còn nợ lại 59 lần phải đóng hụi chết x 3 phần = 88.500.000 đồng.

Tổng số tiền chị C1 còn nợ hụi là 638.500.000 đồng (sáu trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng). Chị T1 khởi kiện yêu cầu chị C1 trả đủ số tiền nợ.

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn chị Trần Thị Diễm T2 trình bày: Chị Phan Thị Kim C1 là hụi viên do chị Trần Thị Diễm T2 làm chủ hụi. Trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2018 chị C1 tham gia chơi góp hụi và còn nợ lại gồm 10 dây; Tại phiên tòa sơ thẩm chị T2 rút lại yêu cầu dây hụi thứ 09 và 10 còn lại 08 dây hụi như sau:

Dây hụi thứ 1: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 20/7/2017, hụi gồm 22 phần, chị C1 tham gia 02 phần. Phần thứ nhất chị C1 hốt ngày 20/7/2017 được 14.200.000 đồng. Phần thứ hai hốt ngày 20/10/2017, hốt được 14.200.000 đồng. Còn nợ lại 9 lần phải đóng hụi chết là 18.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 2: Hụi 500.000 đồng, khai ngày 20/7/2017, gồm 30 phần, chị C1 tham gia 02 phần. Phần thứ nhất chị C1 hốt ngày 05/8/2017, hốt được 10.050.000 đồng. Phần thứ hai chị C1 hốt ngày 20/8/2017, hốt được 10.200.000 đồng. Còn nợ lại 04 lần phải đóng hụi chết x 2 phần = 4.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 3: Hụi 1.000.000 đồng, hụi khai ngày 15/9/2017, gồm 25 phần, chị C1 tham gia 04 phần. Phần thứ nhất, chị C1 hốt ngày 30/9/2017 được 15.680.000 đồng. Phần thứ hai chị C1 hốt ngày 15/10/2017, hốt được 14.920.000 đồng. Phần thứ ba, chị C1 hốt ngày 30/10/2017, hốt được 16.150.000 đồng. Phần thứ tư chị C1 hốt ngày 15/11/2017 được 16.500.000 đồng. Còn nợ lại 02 lần phải đóng hụi chết x 04 phần = 8.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 4: Hụi 500.000 đồng, hụi khai ngày 10/10/2017, gồm 30 phần, chị C1 tham gia 04 phần. Phần thứ nhất, chị C1 hốt ngày 25/10/2017 được 10.050.000 đồng. Phần thứ hai chị C1 hốt ngày 10/11/2017, hốt được 9.930.000 đồng. Phần thứ ba, chị C1 hốt ngày 10/12/2017, hốt được 10.350.000 đồng. Phần

thứ tư chị C1 hốt ngày 15/11/2017 được 10.250.000 đồng. Còn nợ lại 9 lần phải đóng hội chết x 04 phần = 18.000.000 đồng.

Dây hội thứ 5: Hội 500.000 đồng, hội khui ngày 30/10/2017, gồm 30 phần, chị C1 tham gia 02 phần. Phần thứ nhất, chị C1 hốt ngày 15/01/2018 được 10.410.000 đồng. Phần thứ hai chị C1 hốt ngày 30/01/2018, hốt được 10.570.000 đồng. Còn nợ lại 10 lần phải đóng hội chết x 02 phần = 10.000.000 đồng.

Dây hội thứ 6: Hội 1.000.000 đồng, hội khui ngày 05/02/2018, gồm 25 phần, chị C1 tham gia 04 phần. Phần thứ nhất, chị C1 hốt ngày 20/02/2018 được 16.140.000 đồng. Phần thứ hai chị C1 hốt ngày 05/3/2018, hốt được 16.900.000 đồng. Phần thứ ba, chị C1 hốt ngày 20/3/2018, hốt được 17.200.000 đồng. Phần thứ tư chị C1 hốt ngày 5/4/2018 được 17.500.000 đồng. Còn nợ lại 12 lần phải đóng hội chết x 04 phần = 48.000.000 đồng.

Dây hội thứ 7(gồm 02 dây; gọi là dây A và dây B): Hội 2.000.000 đồng, mỗi dây có 20 phần chơi, chị C1 chơi 02 phần, hội khui ngày 09/02/2018:

Dây A: Phần thứ 1, chị C1 hốt ngày 09/3/2018, được 25.300.000 đồng. phần thứ 2, chị C1 hốt ngày 09/6/2018, được 28.000.000 đồng.

Dây B: Phần thứ 1, Chị C1 hốt ngày 09/4/2018, được 25.950.000^d. phần thứ 2, Chị C1 hốt ngày 09/5/2018 được 27.400.000 đồng.

Còn nợ lại 13 lần phải đóng hội chết x 04 phần = 104.000.000 đồng.

Dây hội thứ 8: Hội 500.000 đồng, hội khui ngày 25/5/2018, gồm 38 phần, chị C1 tham gia 04 phần. Phần thứ nhất, chị C1 hốt ngày 25/5/2018, hốt được 12.700.000 đồng. Phần thứ hai chị C1 hốt ngày 03/6/2018, hốt được 12.490.000 đồng. Phần thứ ba, chị C1 hốt ngày 09/7/2018, hốt được 12.980.000 đồng. Phần thứ tư chị C1 hốt ngày 16/7/2018 được 13.750.000 đồng. Còn nợ lại 26 lần phải đóng hội chết x 04 phần = 52.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị C1 còn nợ hội chị T2 là: 262.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi hai triệu đồng). Chị T2 kiện yêu cầu chị C1 trả đủ số tiền nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Phan Thị Kim C1 trình bày: Chị C1 có tham gia chơi hội do chị Đào Thị Bé T1 và chị Trần Thị Diễm T2 làm chủ hội, cụ thể:

** Đối với yêu cầu của chị Đào Thị Bé T1, chị C1 khai:*

Dây hội thứ nhất: Hội 1.000.000 đồng, khui ngày 30/01/2017, hội gồm 36 phần, chị C1 tham gia hai phần, chị C1 thừa nhận nợ lại là 38.000.000 đồng.

Dây hội thứ 2: Hội 1.000.000 đồng, khui ngày 05/8/2016, hội gồm 36 phần, chị C1 tham gia hai phần và đã hốt. Còn lại 14 lần đóng hội chết x 2 phần =

28.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 3: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 15/10/2016, hụi gồm 38 phần, Chị C1 tham gia hai phần và đã hốt. Chị C1 thừa nhận còn lại 18 lần đóng hụi chết x 2 phần = 36.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 4: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 15/01/2018, hụi gồm 39 phần, chị C1 không thừa nhận dây hụi này.

Dây hụi thứ 5: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 20/4/2016, hụi gồm 37 phần, chị C1 tham gia hai phần. Chị C1 còn nợ dây hụi này là 22.000.000 đồng.

Dây thứ 6: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 20/6/2016, hụi gồm 37 phần, chị C1 tham gia một phần. Chị C1 còn nợ lại là 23.350.000 đồng.

Dây hụi thứ 7: Hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 10/12/2016, hụi gồm 30 phần. Chị C1 tham gia 02 phần. Chị C1 thừa nhận còn nợ 48.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 8: Hụi 2.000.000 đồng, hụi khui ngày 15/7/2017, hụi gồm 38 phần, chị C1 tham gia một phần, chị C1 còn nợ lại 27 lần đóng hụi chết là 54.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 9: Hụi 2.000.000 đồng, hụi khui ngày 20/3/2017, hụi gồm 36 phần, chị C1 tham gia một phần, chị C1 còn nợ lại 21 lần đóng hụi chết là 42.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 10: Hụi 3.000.000 đồng, hụi khui ngày 25/01/2018, chị C1 không thừa nhận có chơi dây hụi này.

Dây hụi thứ 11: Hụi 500.000 đồng, hụi khui ngày 23/10/2017, chị C1 không thừa nhận có chơi dây hụi này.

Dây hụi thứ 12: Hụi 500.000 đồng, hụi khui ngày 12/12/2017, chị C1 không thừa nhận có tham gia dây hụi này.

Chị C1 cho rằng: Chị và chị T1 đã tổng kết nợ thì số nợ hụi của chị còn thiếu chị T1 là 439.000.000 đồng và chị đã trả hết, không trả bằng tiền mặt mà là cản trừ nợ hụi mùa còn lại chị chưa hốt.

** Đối với yêu cầu của chị Trần Thị Diễm T2, chị C1 khai:*

Dây hụi thứ 1: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 20/7/2017, hụi gồm 22 phần, chị C1 tham gia 02 phần, đã hốt hết 02 phần. Chị C1 thừa nhận còn nợ lại 9 lần phải đóng hụi chết là 18.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 2: Hụi 500.000 đồng, hụi khui ngày 20/7/2017, gồm 30 phần, chị C1 tham gia 02 phần, đã hốt hết 02 phần, chị C1 còn nợ lại 04 lần phải đóng hụi chết x 2 phần = 4.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 3: Hụi 1.000.000 đồng, hụi khai ngày 15/9/2017, gồm 25 phần, chị C1 tham gia 04 phần, chị C1 đã hốt hết, chị C1 còn nợ lại 02 lần phải đóng hụi chết x 04 phần = 8.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 4: Hụi 500.000 đồng, hụi khai ngày 10/10/2017, gồm 30 phần, chị C1 tham gia 04 phần, chị C1 thừa nhận còn nợ lại 9 lần phải đóng hụi chết x 04 phần = 18.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 5: Hụi 500.000 đồng, hụi khai ngày 30/10/2017, gồm 30 phần, chị C1 tham gia 02 phần. Còn nợ lại 10 lần phải đóng hụi chết x 02 phần = 10.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 6: Hụi 1.000.000 đồng, hụi khai ngày 05/02/2018, gồm 25 phần, chị C1 tham gia 04 phần. Chị C1 đã hốt 02 phần, thống nhất nợ hụi của 02 phần là 24.000.000 đồng. Còn 02 phần còn lại chị C1 chưa có hốt, chị C1 đóng hụi sống được khoảng 13 lần, số tiền bao nhiêu thì chị không nhớ.

Dây hụi thứ 7: Hụi 2.000.000 đồng, hụi khai ngày 09/02/2018, gồm 20 phần, chị C1 tham gia dây A: 02 phần, dây B: 02 phần. Dây hụi này chị C1 thừa nhận có chơi nhưng chưa có hốt phần nào. Chị C1 cho rằng đóng được 7 lần hụi sống thì ngưng đóng, số tiền đóng hụi sống thì chị không nhớ.

Dây hụi thứ 8: Hụi 500.000 đồng, hụi khai ngày 25/5/2018, gồm 38 phần, chị C1 tham gia 04 phần. Dây hụi này tôi có chơi nhưng không có hốt phần nào, chị đóng hụi sống được 12 lần thì ngưng, số tiền đóng thì không nhớ.

Chị C1 cho rằng: chị không còn nợ với chị T2 vì chị đã cản trở vào hụi mùa và phần hụi sống do chị T2 làm chủ.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hiền T3 trình bày: Đối với việc chơi hụi giữa vợ anh và chị Đào Thị Bé T1 thì anh T3 biết vợ anh có tham gia 06 chung hụi mùa do chị T1 làm chủ hụi nhưng hụi mở ngày tháng năm nào thì anh không rõ. Anh T3 cho rằng khi vợ anh ngưng chơi hụi của chị T1 thì đã cản trở giữa hụi sống và hụi chết nên vợ anh không còn nợ gì của chị T1. Đối với việc chơi hụi giữa vợ anh và chị Trần Thị Diễm T2 thì anh T3 không biết và cũng không nghe nói.

Tại bản án sơ thẩm số: 21/2019/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đào Thị Bé T1 và Trần Thị Diễm T2.

Buộc chị Phan Thị Kim C1 trả cho chị Đào Thị Bé T1 638.500.000 đồng.

Buộc chị Phan Thị Kim C1 trả cho chị Trần Thị Diễm T2 262.000.000 đồng

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án; án phí; quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019, chị Phan Thị Kim C1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; chị C1 không đồng ý trả cho chị Đào Thị Bé T1 và chị Trần Thị Diễm T2 số tiền nợ hui vì chị cho rằng đã cản trừ xong tiền nợ hui.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Đào Thị Bé T1 và chị Trần Thị Diễm T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; chị Phan Thị Kim C1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng; quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hiền T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham dự phiên tòa xét xử phúc thẩm nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt. Còn những người làm chứng gồm: Chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị P1, chị Phạm Thị P2, chị Cao Thị S, chị Phạm Thị Kiều L1, chị Trịnh Thị Kiều O, chị Nguyễn Thị Mỹ C2, chị Nguyễn Thị H1, chị Huỳnh Thị P3, chị Lê Thị Hồng T4, chị Huỳnh Thị Ngọc Đ, chị Nguyễn Thị Hồng L1, chị Nguyễn Thị Thanh L2, anh Phan Thành B, anh Nguyễn Hoàng A, chị Nguyễn Thị Thanh D1, chị Lê Thị D2, chị Nguyễn Thị Mỹ L3, chị Nguyễn Thị Thúy H2, chị Nguyễn Thị Thu B, chị Nguyễn Thị D3, chị Huỳnh Thị Đ1, chị Nguyễn Thị L4, chị Nguyễn Thị T5, chị Trần Thị Thùy T6 đã có lời khai cụ thể, rõ ràng và do tình hình dịch Covid-19, nên xét thấy không cần thiết triệu tập tham dự phiên tòa vẫn đảm bảo việc xét xử của Tòa án.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Bé T1:

Theo biên bản làm việc ngày 20/02/2020 và tại phiên tòa hôm nay: Chị Đào Thị Bé T1 cho rằng trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2018, chị Phan Thị Kim C1 có tham gia chơi 15 dây hui (ngày mở hui đều là ngày âm) do chị T1 làm chủ hui. Trong quá trình chơi hui Chị C1 đã đóng và hốt hui nhưng còn nợ lại chị T1 tổng số tiền hui là 638.500.000 đồng , cụ thể:

Dây hội thứ 1: Mở ngày 20/3/2016, chị C1 còn nợ	42.000.000 ^d .
Dây hội thứ 2: Mở ngày 20/4/2016, chị C1 còn nợ	22.000.000 ^d .
Dây hội thứ 3: Mở ngày 20/6/2016, chị C1 còn nợ	13.000.000 ^d .
Dây hội thứ 4: Mở ngày 05/8/2016, chị C1 còn nợ	14.000.000 ^d .
Dây hội thứ 5: Mở ngày 05/8/2016, chị C1 còn nợ	14.000.000 ^d .
Dây hội thứ 6: Mở ngày 15/10/2016, chị C1 còn nợ	36.000.000 ^d .
Dây hội thứ 7: Mở ngày 10/12/2016, chị C1 còn nợ	24.000.000 ^d .
Dây hội thứ 8: Mở ngày 10/12/2016, chị C1 còn nợ	24.000.000 ^d .
Dây hội thứ 9: Mở ngày 30/1/2017, chị C1 còn nợ	19.000.000 ^d .
Dây hội thứ 10: Mở ngày 30/1/2017, chị C1 còn nợ	19.000.000 ^d .
Dây hội thứ 11: Mở ngày 15/7/2017, chị C1 còn nợ	54.000.000 ^d .
Dây hội thứ 12: Mở ngày 23/10/2017, chị C1 còn nợ	48.000.000 ^d .
Dây hội thứ 13: Mở ngày 12/12/2017, chị C1 còn nợ	88.500.000 ^d .
Dây hội thứ 14: Mở ngày 25/01/2018, chị C1 còn nợ	186.000.000 ^d .
Dây hội thứ 15: Mở ngày 15/01/2018, chị C1 còn nợ	35.000. 000 ^d .

Chị Bé T1 cho rằng chị C1 còn nợ chưa trả cho chị T1 số tiền này. Do đó, chị T1 khởi kiện yêu cầu chị C1 trả cho chị T1 số tiền còn nợ hội là 638.500.000 đồng mà chị C1 còn nợ.

[2.1] Chị C1 thừa nhận có tham gia các dây hội từ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và có nợ số tiền trong các dây hội từ 01 đến 11 như chị Bé T1 trình bày tại biên bản làm việc ngày 20/02/2020 và tại phiên tòa hôm nay. Đến tháng 10 năm 2017 thì ngưng đóng hội chết do chị có yêu cầu được chốt hội và phương thức trả tiền nợ hội cho chị T1 là chị sẽ dùng số tiền những dây hội mùa chưa hót là 439.000.000 đồng mà chị có tham gia chơi hội do chị T1 làm chủ hội để cần trừ vào số tiền còn nợ hội của các dây hội từ 1 đến 11 này nhưng không được chị T1 đồng ý. Riêng đối với các dây hội 12, 13, 14, 15 như chị T1 trình bày thì chị không thừa nhận có tham gia chơi hội do chị T1 làm chủ hội.

[2.2] Việc chị Bé T1 trình bày đã được Chanh thừa nhận có tham gia chơi các dây hội từ 1 đến 11 và có nợ chị T1 số tiền hội chết là 281.000.000 đồng; Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật dân sự 2015 “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”; Sự thừa nhận của các bên đương sự là chứng cứ giải quyết vụ án. Chị C1 thừa nhận nợ của 11 dây hội nêu trên, nhưng cho rằng đã cần trừ vào hội mùa mà chị

Bé T1 còn nợ chị chưa hót là 439.000.000 đồng và chị đã hết nợ. Lời trình bày của chị C1 không được chị Bé T1 thừa nhận, chị Bé T1 cho rằng không có nợ hui mùa của chị C1. Trong quá trình giải quyết từ sơ thẩm đến nay chị C1 chỉ trình bày bằng lời nói, không cung cấp được bất kỳ khoảng nợ nào mà chị Bé T1 nợ tiền hui mùa của chị; Chị thừa nhận nợ của chị Bé T1 11 dây hui là 281.000.000 đồng và cho rằng chị Bé T1 nợ hui mùa của chị là 439.000.000 đồng, nhưng chị không yêu cầu phản tố buộc chị Bé T1 cân trừ nợ và trả chị số tiền còn thiếu chị sau khi cân trừ là bất hợp lý. Do chị chưa yêu cầu và nếu có căn cứ thì chị C1 có quyền khởi kiện chị Bé T1 tiền hui mùa thành vụ án khác. Đối với các dây hui từ 01 đến thứ 11 chị C1 thừa nhận nợ và chưa có căn cứ đã trả, cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả nợ theo yêu cầu của chị Bé T1 là có cơ sở.

[2.3] Đối với các dây hui 12, 13, 14, 15 (là các dây hui số 11, 12, 10, 4 theo thứ tự mà cấp sơ thẩm xác định) chị C1 không thừa nhận có tham gia chơi hui do chị T1 làm chủ hui. Tuy nhiên, chị C1 và chị T1 đều thừa nhận từ trước đến nay khi mở hui, kêu hui, đóng hui chết và hui sống đều thông qua sự tin tưởng lẫn nhau không làm giấy tờ gì nên trong vụ án này, để có cơ sở xác định việc chị C1 có chơi các dây hui này hay không phải căn cứ các chứng cứ khác như ghi tên trong sổ hui và lời khai của những thành viên cùng tham gia trong các dây hui. Căn cứ theo sổ hui do chị Bé T1 cung cấp ghi nhận các dây hui 12, 13, 14, 15 đều có tên chị C1 và các thành viên khác như: Chị Nguyễn Thị Mỹ C2 có tham gia dây 12, 13; chị Nguyễn Thị Thúy H2 có tham gia dây 14, 15; chị Trần Thị Mỹ L, anh Phan Thành B, chị Nguyễn Thị H1 có tham gia dây hui 14; chị Lê Thị D2, anh Nguyễn Hoàng A, chị Huỳnh Thị Đ1 có tham gia dây 15 và những người này đã khai nhận như sau: Chị C là chị bà con cô cậu bên ngoại với chị C1 khai chị được chị C1 nhờ hót hui dùm dây 12, 13; chị H2 khai chị C1 đã hót hết dây 14, 15; chị L3, anh B, chị H1 khai chị C1 đã hót hết dây 14; chị D, anh Hoàng A, chị Đ khai chị C1 đã hót hết dây 15; Ngoài ra còn nhiều thành viên khác đều khai nhận chị C1 đều có tham gia các dây hui nêu trên. Với các chứng cứ nêu trên đã đủ cơ sở để xác định việc chị C1 có tham gia chơi các dây hui 12, 13, 14, 15 và còn nợ số tiền hui của các dây này như chị Bé T1 trình bày là đúng, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1 là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Diễm T2:

Theo biên bản làm việc ngày 20/02/2020 và tại phiên tòa hôm nay: Chị Trần Thị Diễm T2 cho rằng cho rằng chị C1 có tham chơi 08 dây hui (ngày mở hui đều là ngày âm) do chị T2 làm chủ hui và còn nợ lại số tiền hui chết là 262.000.000 đồng, cụ thể:

Dây hui thứ 1: Ngày 20/7/2017, 1.000.000^d chị C1 nợ 18.000.000^d.

Dây hội thứ 2: Cùng ngày 20/7/2017, 500.000^d còn nợ 4.000.000^d.

Dây hội thứ 3: Vào ngày 15/9/2017, chị C1 còn nợ 8.000.000^d.

Dây hội thứ 4: Vào ngày 10/10/2017 chị C1 còn nợ 18.000.000^d.

Dây hội thứ 5: Vào ngày 30/10/2017 chị C1 còn nợ 10.000.000^d.

Dây hội thứ 6: Vào ngày 05/02/2018 chị C1 còn nợ 48.000.000^d.

Dây hội thứ 7: Vào ngày 09/02/2018 chị C1 còn nợ 104.000.000^d.

Dây hội thứ 8: Vào ngày 25/5/2018 chị C1 còn nợ 52.000.000^d.

Chị T2 cho rằng chị C1 còn nợ chưa trả cho chị T2 số tiền này. Do đó, chị T2 khởi kiện yêu cầu chị C1 trả cho chị T2 số tiền còn nợ hội là 262.000.000 đồng mà chị C1 còn nợ.

[3.1] Chị C1 thừa nhận còn nợ chị T2 số tiền hội chết của những dây hội 1, 2, 3, 4, 5 và một phần dây hội thứ 6 (dây hội thứ 6 tham gia 4 phần hót 2 phần còn nợ lại 24.000.000 đồng) với tổng số tiền là 82.000.000 đồng. Đối với dây hội thứ 6 còn 2 phần và dây thứ 7, 8 thì chị C1 không thừa nhận có nợ tiền hội chết của chị T2 mà chị C1 cho rằng chị chưa hót hội nên chị yêu cầu cản trừ phần hội 82.000.000 đồng cho những dây hội chưa hót.

[3.2] Việc chị C1 thừa nhận có tham chơi các dây hội 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 và thừa nhận đã hót các dây hội 1, 2, 3, 4, 5, và 02 phần của dây hội thứ 6, chị còn nợ lại số tiền hội chết chưa đóng là 82.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật dân sự 2015, sự thừa nhận của các bên đương sự là chứng cứ giải quyết vụ án. Chị C1 thừa nhận nợ 82.000.000 đồng nhưng yêu cầu được cản trừ số tiền hội sống chưa hót của 2 phần hội dây thứ 6 và dây thứ 7, 8. Lời trình bày của chị C1 không được chị T2 thừa nhận và theo chị T2 thì không có nợ hội của bị đơn nên không có việc cản trừ. Hội đồng xét xử nhận thấy; Trong suốt quá trình giải quyết từ sơ thẩm đến nay, chị C1 chỉ trình bày bằng lời nói, không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh chị còn hội sống chưa hót của dây hội thứ 6, 7 và 8. Trong khi đó, căn cứ vào sổ hội cho thấy chị C1 đã hót hết các dây hội; Ngoài ra có những thành viên tham gia chơi chung các dây hội này gồm: Chị Lê Thị Hồng T4 tham gia dây 6, 7, 8; chị Nguyễn Thị Hồng L1, chị Huỳnh Thị Ngọc Đ tham gia dây 6, 8; chị Nguyễn Thị D3 tham gia dây 7; bà Cao Thị S, chị Nguyễn Thị T5, chị Nguyễn Thị Thanh L2 tham gia dây 8 thì những người này đã khai, cụ thể như sau: Chị Thơ khai chị C1 đã hót hết các dây hội 6, 7, 8; chị L1, chị Đ1 khai chị C1 đã hót hết dây 6, 8; chị D3 khai chị C1 đã hót hết dây 7; bà S, chị T, chị L khai chị C1 đã hót hết dây 8. Đồng thời, theo thực tế đối với các giao dịch hội nếu chị C1 chưa hót thì chị C1 còn lại khoản tiền lớn đối với dây hội 6, 7 và 8, nên không thể quyền tài sản lớn vẫn còn mà chị C1 ngưng không hót hoặc không đóng

tiếp hội là không hợp lý, lời trình bày thiếu tính thiết thực. Từ phân tích trên cho thấy chị C1 thừa nhận có tham gia chơi các dây hội 6, 7 và 8 và chị T2 đã chứng minh được chị C1 đã hốt hết các dây hội này; Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T2 là có cơ sở.

[4] Từ những phân tích trên có căn cứ xác định chị C1 còn nợ tiền hội theo yêu cầu của chị Đào Thị Bé T1 là 638.500.000 đồng và nợ tiền hội chị Trần Thị Diễm T2 là 262.000.000 đồng; Nên cấp sơ thẩm buộc chị C1 trả nợ là có căn cứ. Đồng quan điểm với đề nghị của Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của chị Phan Thị Kim C1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định 144 ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phan Thị Kim C1.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 21/2019/DS-ST, ngày 29/7/2019.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Bé T1 và chị Trần Thị Diễm T2.

2. Buộc chị Phan Thị Kim C1 trả cho chị Đào Thị Bé T1 số tiền 638.500.000 đồng (sáu trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Buộc chị Phan Thị Kim C1 trả cho chị Trần Thị Diễm T2 số tiền 262.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi hai triệu đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thanh toán, thì hàng tháng còn phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phan Thị Kim C1 phải chịu 42.640.000 đồng (bốn mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Chị Đào Thị Bé T1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 14.770.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017976 ngày

18 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Chị Trần Thị Diễm T2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 8.075.000 đồng (tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017977 ngày 18 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phan Thị Kim C1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0021538 ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 22 tháng 5 năm 2020.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Khải